



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: *Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp*)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông, Công ty Cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (Viện IMI),

Hội đồng quản trị Viện IMI kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua sửa đổi Quy chế quản trị Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, với các nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Lưu ý khi đọc bản so sánh:

- Phần được lược bỏ trong Quy chế mới (gạch ngang, tô màu vàng);
- Phần được bổ sung và/hoặc sửa đổi trong Quy chế mới (chữ đỏ, tô màu xanh);

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|-----------------|-----------------|------------------------|------------|
| PHẦN QUYẾT ĐỊNH | PHẦN QUYẾT ĐỊNH | | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|--|--|-------------------------------------|------------|
| <p>Căn cứ Biên bản cuộc họp HĐQT số 07/2018/BB-HĐQT-IMI ngày 27/12/2018 và Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐQTIMI ngày 27/12/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp;</p> | <p>- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIV, thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2023,</p> | <p>Cập nhật căn cứ pháp lý</p> | |
| <p>Điều 2. Quyết định số số 25/QĐ-HĐQT ngày 09/11/2015</p> | <p>Điều 2. Quyết định số 465/QĐ-HĐQT-IMI ngày 28/12/2018.</p> | <p>Cập nhật Số Quyết định</p> | |
| <p>CHƯƠNG I</p> | <p>CHƯƠNG I</p> | | |
| <p>Điều 1. Mục tiêu và phạm vi điều chỉnh 1. Quy chế quản trị của Công ty CP Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (Công ty) là hệ thống các nguyên tắc cho toàn bộ các hoạt động quản trị của Viện IMI</p> | <p>Điều 1. Mục tiêu và phạm vi điều chỉnh 1. Quy chế quản trị của Công ty CP Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (Công ty) là hệ thống các nguyên tắc cho toàn bộ các hoạt động quản trị của Công ty,</p> | <p>Cập nhật tên gọi cho phù hợp</p> | |
| <p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ. 1. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26/11/2014;</p> | <p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ. 1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIV, thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020..</p> | <p>Cập nhật căn cứ pháp lý</p> | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|--|--|--|------------|
| <p>3. “Công ty” là Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp, địa chỉ số 46 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100100128 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/12/2013</p> | <p>3. “Công ty” là Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp, địa chỉ số 46 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100100128 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/12/2013, thay đổi lần 3 ngày 01 tháng 07 năm 2021.</p> | <p>Bổ sung thông tin</p> | |
| <p>4. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp được Đại hội đồng cổ đông thông qua 29/6/2018</p> | <p>4. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp, sửa đổi lần 4 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/12/2021.</p> | <p>Cập nhật lại ngày tháng</p> | |
| <p>6. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> | <p>6. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán; Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> | <p>Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp</p> | |
| <p>CHƯƠNG II</p> | <p>CHƯƠNG II</p> | | |
| <p>Điều 4. Cổ đông, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.</p> <p>2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định tại Khoản 3 Điều 135 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 114 và Điều 115 Luật Doanh nghiệp; Điều 27, Điều 28 Điều lệ của Công ty.</p> | <p>Điều 4. Cổ đông, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.</p> <p>2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và và Điều 119 Luật Doanh nghiệp; Điều 27, Điều 28 Điều lệ của Công ty.</p> | <p>Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp</p> | |
| <p>Điều 5. Những nội dung liên quan đến cổ đông lớn.</p> <p>1. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc đán tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> | <p>Điều 5. Những nội dung liên quan đến cổ đông lớn.</p> <p>2. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> | <p>Sửa lỗi chính tả</p> | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|--|--|--------------------------------------|------------|
| <p>Điều 7. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải quyết định ngày chốt danh sách các cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông tối thiểu năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách trên trang thông tin điện tử của Công ty (website: www.imi-holding.com.vn) - Nội dung, thời điểm gửi, hình thức gửi và phương thức đăng tải Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty. | <p>Điều 7. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ:</p> <p>Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải quyết định ngày chốt danh sách các cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông tối thiểu năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách trên trang thông tin điện tử của Công ty (website: www.imi-holding.vn);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung, thời điểm gửi, hình thức gửi và phương thức đăng tải Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty. | <p>Sửa lại nội dung cho phù hợp</p> | |
| <p>Điều 10. Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.</p> | <p>Điều 10. Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.</p> <p>Các quy định khác về thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.</p> | <p>Bổ sung thông tin cho phù hợp</p> | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|--|--|------------------------|------------|
| <p>Điều 12. Biên bản họp ĐHĐCĐ.</p> <p>Thư ký chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến đại hội sau đó lập biên bản ĐHĐCĐ và thông qua tại đại hội. Thể thức và các quy định khác về Biên bản họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Điều 38 Điều lệ Công ty.</p> | <p>Điều 12. Biên bản họp ĐHĐCĐ.</p> <p>Thư ký chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến đại hội sau đó lập biên bản ĐHĐCĐ và thông qua tại đại hội. Thể thức và các quy định khác về Biên bản họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 38 Điều lệ Công ty.</p> | Sửa lại căn cứ pháp lý | |
| CHƯƠNG III | CHƯƠNG III | | |
| <p>Điều 14. Tiêu chuẩn, thủ tục ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ Công ty;</p> | <p>Điều 14. Tiêu chuẩn, thủ tục ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ Công ty;</p> | Sửa lại cho đúng | |
| <p>Điều 15. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT.</p> <p>2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp cho Công ty các thông tin liên quan sở hữu, đại diện sở hữu cổ phần, vốn góp theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp; các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty</p> | <p>Điều 15. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT.</p> <p>2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp cho Công ty các thông tin liên quan sở hữu, đại diện sở hữu cổ phần, vốn góp theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp; các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty</p> | Sửa lại cho đúng | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|--|---|------------------------|------------|
| <p>Điều 16. Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.</p> <p>Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 Điều 14, Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều 42 Điều lệ Công ty</p> | <p>Điều 16. Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.</p> <p>Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 277, Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều 42 Điều lệ Công ty</p> | Sửa lại căn cứ pháp lý | |
| | <p style="text-align: center;">Chương IV</p> <p style="text-align: center;">QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC</p> <p>Điều 19. Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty.</p> <p>Các quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 20. Hội đồng Khoa học của Công ty.</p> <p>Các quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Khoa học của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Công ty.</p> | Bổ sung nội dung | |
| CHƯƠNG V | CHƯƠNG V | | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|---|--|----------------------------|------------|
| <p>Điều 19 Tiêu chuẩn, thủ tục ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm; nghĩa vụ của Kiểm soát viên.</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp và Điều 53 Điều lệ Công ty; Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên. <ul style="list-style-type: none"> Cách thức ứng cử, đề cử Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 52 Điều lệ Công ty; Khuyết, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên. <ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên BKS trong các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 52 Điều lệ Công ty; Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát bị khuyết trên 1/3 số lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát phải đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung đủ số thành viên BKS trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày khuyết số thành viên BKS như nêu trên; Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ quyết định. Nghĩa vụ của thành viên BKS. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ theo Điều 168 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này. | <p>Điều 21. Tiêu chuẩn, thủ tục ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm; nghĩa vụ của Kiểm soát viên.</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 54 Điều lệ Công ty; Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên. <ul style="list-style-type: none"> Cách thức ứng cử, đề cử Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 53 Điều lệ Công ty; Khuyết, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên. <ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên BKS trong các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 53 Điều lệ Công ty; Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát bị khuyết trên 1/3 số lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát phải đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung đủ số thành viên BKS trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày khuyết số thành viên BKS như nêu trên; Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ quyết định. Nghĩa vụ của thành viên BKS. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ theo Điều 173 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này. | Sửa lại căn cứ cho phù hợp | |
| <p>Điều 20 Ban kiểm soát.</p> <ol style="list-style-type: none"> Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ BKS. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ BKS được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 52 Điều lệ Công ty. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát. | <p>Điều 22. Ban kiểm soát.</p> <ol style="list-style-type: none"> Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ BKS. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ BKS được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 53 Điều lệ Công ty. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát. | Sửa lại căn cứ cho phù hợp | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|--|--|------------------------------|------------|
| <p>Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của BKS được quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp; Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều 54 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>- Quy định về tiêu chuẩn, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại Khoản 3 Điều 52 Điều lệ Công ty.</p> | <p>Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của BKS được quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều 55 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>- Quy định về tiêu chuẩn, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại Khoản 3 Điều 53 Điều lệ Công ty.</p> | | |
| <p>Điều 21 Quyền tiếp cận thông tin của BKS, thành viên BKS.</p> <p>1. Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty theo Điều 166 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 54 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban Kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 22 Thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát.</p> | <p>Điều 23. Quyền tiếp cận thông tin của BKS, thành viên BKS.</p> <p>1. Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty theo Điều 171 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 55 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban Kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 24. Thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát.</p> | Sửa lại nội dung cho phù hợp | |
| CHƯƠNG VI | CHƯƠNG VI | | |
| <p>Điều 23 . Tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc (TGD) và các cán bộ quản lý cấp cao (CBQLCC).</p> <p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm TGD Công ty. Tổng giám đốc Công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 57 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 49 Điều lệ Công ty;</p> | <p>Điều 25. Tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc (TGD) và các cán bộ quản lý cấp cao (CBQLCC).</p> <p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm TGD Công ty. Tổng giám đốc Công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 64 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 50 Điều lệ Công ty;</p> | Sửa lại căn cứ cho phù hợp | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|--|--|------------------------------|------------|
| <p>2. Thẩm quyền lựa chọn bổ nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với cán bộ quản lý cấp cao.</p> <p>- Cơ cấu, số lượng bộ máy quản lý điều hành Công ty do HĐQT phê chuẩn theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Điều lệ Công ty;</p> | <p>2. Thẩm quyền lựa chọn bổ nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với cán bộ quản lý cấp cao.</p> <p>- Cơ cấu, số lượng bộ máy quản lý điều hành Công ty do HĐQT phê chuẩn theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Điều lệ Công ty;</p> | | |
| <p>Điều 24 Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của TGD.</p> <p>1. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của TGD được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp, Điều 50 Điều lệ Công ty và Điều 33 Quy chế này.</p> | <p>Điều 26. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của TGD.</p> <p>1. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của TGD được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, Điều 51 Điều lệ Công ty và Điều 35 Quy chế này.</p> | Sửa lại căn cứ cho phù hợp | |
| <p>Điều 25 . Thư ký Công ty.</p> <p>2. Vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của Thư ký Công ty theo quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty.</p> | <p>Điều 27. Thư ký Công ty.</p> <p>2. Vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của Thư ký Công ty theo quy định tại Điều 52 Điều lệ Công ty</p> | Sửa lại nội dung cho phù hợp | |
| CHƯƠNG VII | CHƯƠNG VII | | |
| <p>Điều 26</p> <p>Điều 27 Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.</p> <p>- Người đại diện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều 65 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 28 Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.</p> | <p>Điều 28.</p> <p>Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.</p> <p>- Người đại diện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều 66 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 30 Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.</p> | Sửa lại thứ tự cho đúng | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|---|---|-------------------------|------------|
| <p>Người đại diện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác có các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 66 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 29</p> | <p>Người đại diện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác có các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 67 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 31</p> | | |
| CHƯƠNG VIII | CHƯƠNG VIII | | |
| <p>Điều 30 Trách nhiệm chung. Điều 31 . Phối hợp về thủ tục triệu tập và mời họp Điều 32 . Quan hệ giữa HĐQT và TGD trong quản lý, điều hành Công ty.</p> <p>- Quan hệ giữa HĐQT và TGD trong quản lý, điều hành Công ty quy định tại Điều 58 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 33 Giám sát của HĐQT, BKS về các mặt hoạt động của Công ty.</p> <p>Điều 34 Đánh giá hoạt động; khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS, TGD và cán bộ quản lý khác.</p> <p>Điều 35 Kinh phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát</p> | <p>Điều 32. Trách nhiệm chung. Điều 33. Phối hợp về thủ tục triệu tập và mời họp Điều 34. Quan hệ giữa HĐQT và TGD trong quản lý, điều hành Công ty.</p> <p>- Quan hệ giữa HĐQT và TGD trong quản lý, điều hành Công ty quy định tại Điều 59 Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 35. Giám sát của HĐQT, BKS về các mặt hoạt động của Công ty.</p> <p>Điều 36. Đánh giá hoạt động; khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS, TGD và cán bộ quản lý khác.</p> <p>Điều 37. Kinh phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát</p> | Sửa lại thứ tự cho đúng | |
| CHƯƠNG IX | CHƯƠNG IX | | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|--|---|--|------------|
| <p>Điều 36 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.</p> <p>1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại 164 Điều 118 Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.</p> | <p>Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.</p> <p>1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.</p> | Sửa lại thứ tự và bổ sung nội dung cho phù hợp | |
| <p>Điều 37 Giao dịch với người có liên quan.</p> <p>Điều 38 4 Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.</p> | <p>Điều 39. Giao dịch với người có liên quan.</p> <p>Điều 40. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.</p> | Sửa lại thứ tự cho đúng | |
| CHƯƠNG X | CHƯƠNG X | | |
| <p>Điều 39 . Báo cáo gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>1. Định kỳ hàng quý, năm, HĐQT, TGD có trách nhiệm xem xét đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty theo các chỉ tiêu nêu tại khoản 2 Điều 24 và khoản 1 Điều 33 Điều 35 Quy chế này và gửi cho người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty để người đại diện lập các báo cáo:</p> | <p>Điều 41. Báo cáo gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>1. Định kỳ hàng quý, năm, HĐQT, TGD có trách nhiệm xem xét đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty theo các chỉ tiêu nêu tại khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Quy chế này và gửi cho người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty để người đại diện lập các báo cáo:</p> | Sửa căn cứ pháp lý cho phù hợp | |
| <p>Điều 40 Nghĩa vụ công bố thông tin.</p> <p>Điều 41 . Công bố thông tin về quản trị công ty.</p> <p>Điều 42 . Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 36 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong</p> | <p>Điều 42. Nghĩa vụ công bố thông tin.</p> <p>Điều 43. Công bố thông tin về quản trị công ty.</p> <p>Điều 44. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 38 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong</p> | Sửa lại thứ tự cho đúng | |

| Quy chế cũ | Quy chế mới | Tóm tắt thay đổi chính | Giải trình |
|--|---|---|------------|
| các trường hợp sau: | các trường hợp sau: | | |
| CHƯƠNG XI | CHƯƠNG XI | | |
| <p>Điều 43 Hiệu lực thi hành.</p> <p>Quy chế này gồm 10 Chương, 43 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày tháng ... năm 2023 tại Hà Nội, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.</p> | <p>Điều 45. Hiệu lực thi hành.</p> <p>Quy chế này gồm 11 Chương, 45 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày tháng ... năm 2023 tại Hà Nội, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.</p> | Sửa lại thứ tự và sửa đổi nội dung cho đúng | |

Toàn văn Bản "Quy chế quản trị Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp" sửa đổi, bổ sung được đăng tải trên Website: imi-holding.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS; BGD (đề ph/h);
- Lưu VT, Tky CTy

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VIỆN IMI
CHỦ TỊCH HĐQT
(đã ký)

Đỗ Văn Vũ